

# NHỮNG KHÁC BIỆT CĂN BẢN GIỮA ĐÀO TẠO THEO NIÊN CHẾ VÀ ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ

TS. Lê Văn Hào – Phòng ĐBCL&KT, Trường ĐH Nha Trang

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ bắt đầu được áp dụng tại trường Đại học Harvard, Hoa kỳ vào năm 1872, sau đó dần được mở rộng ra khắp Bắc Mỹ và thế giới. Đây là phương thức đào tạo theo triết lý xem “Người học là trung tâm của quá trình đào tạo”. Theo đánh giá của tổ chức Ngân hàng thế giới, đào tạo theo tín chỉ không chỉ hiệu quả đối với các nước phát triển mà còn đối với các nước đang phát triển. Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020 được Chính phủ phê duyệt đã khẳng định: “... xây dựng học chế tín chỉ thích hợp cho giáo dục đại học ở nước ta và vạch ra lộ trình hợp lý để toàn bộ hệ thống giáo dục đại học chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ...”. Tại Chi thị năm học 2008 – 2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chính thức yêu cầu các trường đại học và cao đẳng “chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ vào năm học 2009 – 2010 hoặc muộn nhất là năm học 2010 – 2011”. Cho đến nay, gần như tất cả các trường đại học và cao đẳng trên toàn quốc đã và đang chuyển đổi từ kiểu đào tạo niên chế (hoặc hỗn hợp niên chế + học phần) sang kiểu đào tạo theo tín chỉ với nhiều mức độ khác nhau.

Bài viết này nhằm cung cấp một bức tranh so sánh giữa hai phương thức đào tạo theo niên chế và theo tín chỉ trên một số phương diện chủ yếu nhằm mục đích giúp cho người dạy, người học, và các nhà quản lý đào tạo ở trường đại học nhận ra các khác biệt căn bản giữa hai phương thức đào tạo, từ đó điều chỉnh hoặc định hướng hoạt động/công việc của mình cho phù hợp với phương thức đào tạo mới. Do mỗi quốc gia, thậm chí mỗi trường đại học trên thế giới có cách tổ chức đào tạo riêng đối với mỗi phương thức đào tạo, những đặc điểm được so sánh của hai phương thức đào tạo nêu trong bài viết này được chọn lọc từ những kinh nghiệm, cách làm có tính phổ biến (ở nhiều nước) và phù hợp với triết lý của mỗi phương thức đào tạo.

NIÊN CHẾ	TÍN CHỈ
<b>Triết lý/tôn chỉ giáo dục ĐH</b>	
Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực có trình độ cao và các phẩm chất cần thiết	Cung cấp nguồn nhân lực có năng lực và tính thích nghi cao, khả năng học tập suốt đời trên cơ sở phát huy tính tự chủ của người học, đáp ứng yêu cầu toàn cầu hóa trong liên thông đào tạo và sử dụng lao động
Đào tạo thiên về hàn lâm, chuyên sâu	Hướng đến 4 trụ cột giáo dục của UNESCO đề ra năm 1996 (Học để biết, Học để làm, Học cách chung sống, Học làm người)
<b>Tính tự chủ của người học</b>	
Tất cả SV đều cùng học theo một tiến độ chung.	Mỗi SV có thể tự xây dựng một tiến độ học tập riêng trong khung thời gian cho phép đối với bậc học tương ứng
Chương trình học là như nhau đối với tất cả SV, không có sự lựa chọn môn học.	Mỗi SV có thể chọn lựa môn học thích hợp với sở thích, khả năng trong số các môn học tự chọn
<b>Yêu cầu liên thông</b>	

Các môn học trong phạm vi một ngành học có tính liên thông	Các môn học trong phạm vi một trường có tính liên thông, hướng đến liên thông với các trường khác
Các bậc học trong phạm vi một ngành học có tính liên thông	Các bậc học trong phạm vi một trường có tính liên thông, hướng đến liên thông với các trường khác trong và ngoài nước
<b>Chương trình học</b>	
Căn cứ chủ yếu về thời gian để xây dựng chương trình: Thời gian SV có thể tham gia học tập trong 1 HK/NH	Căn cứ về thời gian để xây dựng chương trình: Khối lượng làm việc của SV (student workload) trong 1 HK/NH
Thời gian học tập của SV được xác định bằng thời lượng SV phải lên lớp, thực hành, thực tập, ...	Khối lượng làm việc của SV được xác định bằng thời lượng SV phải lên lớp, thực hành, thực tập, ... và thời gian cần thiết để tự nghiên cứu, tự học.
Được thiết kế theo cấu trúc môn học và theo mục tiêu đào tạo của ngành	Được thiết kế theo cấu trúc mô đun và đáp ứng khả năng liên thông, lắp ghép giữa các ngành
Được thiết kế để cho cùng một đầu ra (VD: Cử nhân/kỹ sư)	Được thiết kế để có thể có hơn một đầu ra (VD: Cử nhân/kỹ sư thiên về thực hành hoặc nghiên cứu)
Tổ chức đào tạo theo năm học: mỗi năm có 2 HK	Tổ chức đào tạo theo HK: mỗi năm có 2-4 HK
Độ dài của chương trình học được tính theo năm	Độ dài của chương trình học được tính theo TC
Chương trình ĐH (phổ biến) có khoảng 200 đvht, chương trình CĐ có khoảng 150 đvht (1 đvht = 45ph)	Chương trình ĐH (phổ biến) có khoảng 120 TC, chương trình CĐ có khoảng 90 TC (1 TC = 50-60ph)
SV phải hoàn thành khối lượng học tập tính theo năm học	SV phải hoàn thành khối lượng học tập tính theo tín chỉ. Năm học của SV được xác định theo tổng số TC đã tích lũy. Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- SV năm I: tích lũy dưới 30 TC</li> <li>- SV năm II: từ 30 đến dưới 60 TC</li> <li>- SV năm III: từ 60 đến dưới 90 TC</li> <li>- SV năm IV: từ 90 đến dưới 120 TC</li> </ul>
Các môn học cơ bản được xây dựng theo hướng đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo	Các môn học cơ bản được xây dựng theo hướng đáp ứng yêu cầu của nhóm ngành đào tạo
Không có môn học tự chọn	Có các môn học tự chọn: môn tự chọn chính (major elective subject), môn tự chọn tự do (free elective subject), môn dự thính (audit subject), ...
Các môn học được xây dựng chủ yếu dựa trên năng lực của đội ngũ GV	Các môn học được xây dựng theo hướng đáp ứng yêu cầu xã hội và thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu quốc tế hóa trong sử dụng lao động
<b>Phương pháp giảng dạy</b>	
Ít nhấn mạnh đến vai trò trung tâm của người học	Đặt nặng yêu cầu lấy người học làm trung tâm (learner-centered) hoặc lấy sự học làm trung tâm (learning-centered)

GV sử dụng các PPGD sao cho SV chủ yếu làm việc tại lớp (vì SV không có nhiều thời gian tự học)	GV sử dụng các PPGD sao cho SV phải sử dụng thời gian ngoài giờ lên lớp để tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm
GV sử dụng các PPGD không yêu cầu đến tính đa dạng (về ngành học) của SV	GV cần quan tâm đến tính đa dạng (về ngành học) của SV khi sử dụng các PPGD (vì SV học khác ngành có thể học chung một lớp môn học)
<b>Phương pháp học tập</b>	
SV không cần đăng ký kế hoạch học tập, không cần quan tâm lựa chọn môn học và xây dựng tiến độ học tập riêng	SV cần đăng ký kế hoạch học tập cho từng HK, phải biết lựa chọn môn học và tiến độ học tập sao cho phù hợp với sở thích, năng lực và hoàn cảnh riêng
SV cần lên lớp đầy đủ hoặc đạt tỷ lệ lên lớp tối thiểu	SV cần thỏa mãn yêu cầu lên lớp (tính chuyên cần) đối với mỗi môn học
SV chủ yếu hoàn thành các nhiệm vụ học tập cá nhân được GV giao	SV cần tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm nhiều hơn ngoài thời gian lên lớp (1 TC cần khoảng 30 tiết tự học)
Không đặt nặng yêu cầu SV đọc tài liệu trước khi đến lớp	SV cần đọc tài liệu trước khi đến lớp (vì GV không giảng giải cặn kẽ tất cả nội dung)
Ít đặt nặng yêu cầu về các kỹ năng mềm	SV phải đạt được các kỹ năng mềm
SV tuân thủ lịch học và thi chung của lớp	SV thực hiện lịch học và thi của cá nhân
SV chủ yếu học theo một ngành nhất định	SV có thể dễ dàng học một lúc 2 ngành
<b>Phương pháp đánh giá học tập</b>	
Kết quả học tập được đánh giá theo NH. Nếu SV nào không đạt yêu cầu học tập đối với một năm học thì có thể phải học lại năm học đó (lưu ban)	Kết quả học tập được đánh giá theo tổng số TC đã tích lũy. SV bị buộc thôi học nếu không đạt được điểm trung bình chung tích lũy nào đó sau một giai đoạn nhất định
SV phải thi đạt tất cả các môn học qui định	SV cần đạt đủ số TC và điểm trung bình chung tích lũy qui định theo từng năm và cả khóa
Sử dụng thang điểm 10 (hoặc 100) và đề cao cách tính điểm tuyệt đối (criterion-referenced)	Sử dụng thang điểm 4 kết hợp thang điểm chữ, cho phép cách tính điểm tương đối (norm-referenced)
Xem trọng các kỳ thi hết môn (chiếm 70-100% điểm môn học)	Xem trọng đánh giá quá trình (chiếm cỡ 50% điểm môn học)
<b>Tuyển sinh</b>	
Tuyển sinh vào đầu mỗi NH	Có thể tuyển sinh theo HK
SV khó được chuyển ngành, chuyển trường	SV được chuyển ngành, chuyển trường trên cơ sở các ngành/trường đáp ứng các yêu cầu về liên thông
<b>Quản lý SV</b>	
SV được quản lý và sinh hoạt chủ yếu theo lớp NH, theo khoa	SV được quản lý học tập theo lớp môn học, được khuyến khích tham gia các sinh hoạt chung của khoa, trường
Hồ sơ học tập SV chủ yếu được trích xuất từ kết quả học tập chung của lớp NH	Hồ sơ học tập SV mang tính cá thể, cần được theo dõi riêng
SV được tư vấn chủ yếu bởi GVCN	SV được tư vấn bởi CVHT, chuyên gia tâm lý

**Tài liệu tham khảo:**

- [1] <http://www.vatgia.com/hoidap/4006/272184/so-sanh-uu-nhuoc-diem-cua-dao-tao-theo-nien-che-va-dao-tao-theo-tin-chi.html>
- [2] [http://www.ktdn.edu.vn/files/news/1494/content/1509/Su khac biet giua tin chi va nien che - Xuan thu.pdf](http://www.ktdn.edu.vn/files/news/1494/content/1509/Su%20khac%20biet%20giua%20tin%20chi%20va%20nien%20che%20-%20Xuan%20thu.pdf)
- [3] [http://www.tnut.edu.vn/doc/pqthe\\_dttinchi.htm](http://www.tnut.edu.vn/doc/pqthe_dttinchi.htm)
- [4] <http://dt.ussh.edu.vn/tai-lieu-tham-khao/muc-tieu-su-pham-cua-he-thong-dao-tao-theo-tin-chi-my-va-nhung-goi-y-cho-cai-cach-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam>
- [5] <http://www.cdspbrvt.edu.vn/portal/uploads/temp/vun2.pdf>